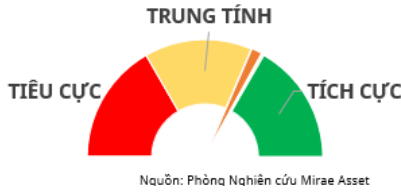


27 Tháng 01, 2023

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	1,117.10	0.8	9.2	-23.8
HNX	220.76	0.4	6.4	-46.4
UPCOM	74.99	1.4	5.6	-31.6
MSCI EM	1,052.46	1.1	9.7	-11.7
NIKKEI	27,382.56	0.1	3.5	4.6
HANG SENG	22,688.90	0.5	15.8	-4.7
KOSPI	2,484.02	0.6	6.5	-5.0
FTSE	7,750.63	-0.1	3.7	2.6
S&P 500	4,060.43	1.1	6.0	-6.1
NASDAQ	11,512.41	1.8	11.2	-13.8

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Việt Nam	11.9	1.8	15.1
Indonesia	13.4	2.0	12.6
Philippines	16.4	1.7	11.0
Malaysia	15.7	1.4	9.1
Thái Lan	15.7	1.8	10.6

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Tái cấp vốn	6.0	0	0	200
TPCP 5 năm	4.4	-2	-36	349
TPCP 10 năm	4.5	-3	-32	244

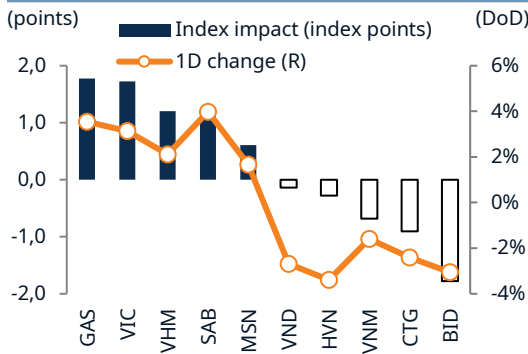
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,454	0.0	-0.6	3.6
US\$/KRW	1,231.3	0.0	-3.1	2.3
US\$/JPY	130.0	-0.2	-2.6	12.7
US\$/EUR	0.92	0.1	-2.2	2.4
US\$/GBP	0.81	0.3	-2.8	8.2
US\$/SGD	1.31	0.2	-2.5	-2.9

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 6 tháng
VN-INDEX	447	334	474
HNX	43	33	50
UPCOM	17	14	21

Các cổ phiếu tác động VN-Index



Nhận định thị trường

“khai xuân” thuận lợi nhưng áp lực bán giá cao đã xuất hiện

Trở lại giao dịch sau kì nghỉ dài, Nhà đầu tư có tâm lý lạc quan giúp VN-Index “khai xuân” trong sắc xanh với mức tăng 9,02 điểm (+0,81%) để chốt phiên tại 1.117,1. Trong phiên có lúc chỉ số đã tăng gần 20 điểm và chạm mức cao nhất trong ngày tại 1.024. Tuy nhiên VN-Index vượt mốc tâm lý 1.120, chúng tôi nhận thấy diễn biến chốt lãi đầu năm đã xuất hiện, từ mốc 1.120, chỉ số có lúc đã lùi về mức 1.111 chỉ còn tăng hơn 6 điểm. Sau diễn biến rung lắc, VN-Index đã cân bằng trở lại và ổn định vùng 1.117 đến cuối phiên.

GAS, VIC và VHM là 3 cổ phiếu dẫn đầu nhóm ảnh hưởng tích cực đến VN-Index. Chiều ngược lại 2 mã cổ phiếu ngân hàng quốc doanh là BID và CTG đã dẫn đầu nhóm ảnh hưởng tiêu cực đến VN-Index.

Khối ngoại tiếp tục mua ròng với giá trị khoảng 550 tỷ đồng trong phiên hôm nay đồng thời nổi dài chuỗi mua ròng lên phiên thứ 5 liên tiếp. HPG vẫn là cái tên được khối ngoại ưa thích dù cổ phiếu này đã công bố lỗ trong Q4/2022. Chiều bán ròng, khối này bán VNM mạnh nhất với giá trị 67 tỷ đồng.

Khai xuân thuận lợi giúp VN-Index kéo dài chuỗi tăng điểm lên 5 phiên liên tiếp với mức tăng lũy kế lên 57 điểm (+5,6%). Diễn biến trên cho thấy xu hướng ngắn hạn của VN-Index đang khả quan. Chúng tôi nhận thấy vùng 1.120 – 1.130 có thể xảy ra những phiên rung lắc khi là ngưỡng kháng cự MA 200 tuần. Đánh giá khả quan cho xu hướng ngắn hạn và trung hạn chúng tôi nhận thấy có thể xem xét tích lũy cổ phiếu trong các phiên điều chỉnh. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn đang ở mức **+3 (TRUNG TÍNH)**. Mức P/E của VN-Index đang ở mức 11,90 lần

Phạm Bình Phương Analyst, 84-8-39102222, Phuong.pb@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Mã	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn
VNINDEX	3	TRUNG TÍNH
VN30	3	TRUNG TÍNH
VN30F1M	3	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	4	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	4	KHẢ QUAN
Shanghai Composite	7	KHẢ QUAN
Kospi	7	KHẢ QUAN
Nikkei 225	4	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	-4	TIÊU CỰC
Dow Jones	4	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	3	TRUNG TÍNH
VN30	3	TRUNG TÍNH
VN30F1M	3	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	4	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	4	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIẾU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (19/01/2023)	Kháng cự 1	1.120
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Kháng cự 2	1.130
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.070
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.030

VN-Index tiếp tục tăng điểm sau nhiều phiên, ngưỡng kháng cự tiếp theo quanh mốc 1.120 điểm.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (19/01/2023)	1.127	Kháng cự 1 1.130
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2 1.140
VN30 – đóng cửa	1.121	Hỗ trợ 1 1.100
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-3.65	Hỗ trợ 2 1.000

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	3	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	3	TRUNG TÍNH
VN30F1M	3	TRUNG TÍNH

VN30F1M tăng điểm trong phiên. Basis so với VN30 đạt -3,65. Điểm số đánh giá kỹ thuật theo thang điểm của chúng tôi hiện đạt +3 Trung Tính.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: fireant.vn

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
ACB	Ngân hàng	26,350	2,831,935	95	7	
PNJ	Bán lẻ	94,000	303,475	94	7	Top sức mạnh ngành
PHR	Nhựa, cao su & sợi	45,750	360,625	100	5	Top sức mạnh ngành
VND	Chứng khoán	16,300	20,459,784	90	4	
HPG	Thép	21,500	24,184,440	86	4	Top sức mạnh ngành
TPB	Ngân hàng	24,500	5,460,730	97	5	
GMD	Kho bãi, hậu cần	51,900	385,315	71	7	Top sức mạnh ngành
SZC	Bất động sản	32,000	989,705	86	5	
DBC	Thực phẩm	17,100	4,065,975	93	5	
LCG	Xây dựng	10,350	5,960,425	99	7	Top sức mạnh ngành
VCG	Xây dựng	21,600	8,448,245	80	7	Top sức mạnh ngành

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
VCG	21.6	8,448,245	7	KHẢ QUAN	10,495	7.7	1.5	182
KBC	26.95	5,218,015	7	KHẢ QUAN	20,687	9.2	1.3	141
PVS	25.2	4,593,635	7	KHẢ QUAN	12,045	24.1	1.0	116
ACB	26.35	2,831,935	7	KHẢ QUAN	88,995	6.7	1.6	75
LCG	10.35	5,960,425	7	KHẢ QUAN	1,963	10.5	0.8	62
MSN	103.7	589,670	7	KHẢ QUAN	147,640	15.4	5.8	61
VJC	116.2	316,105	7	KHẢ QUAN	62,935	1,017.8	3.6	37
PNJ	94	303,475	7	KHẢ QUAN	30,832	16.2	3.7	29
PLX	38.1	739,105	7	KHẢ QUAN	48,410	51.7	2.1	28
GMD	51.9	385,315	7	KHẢ QUAN	15,642	16.9	2.2	20
CEO	22.1	7,578,660	6	KHẢ QUAN	5,687	18.3	1.8	167
VPB	19.7	20,974,224	5	KHẢ QUAN	132,250	7.2	1.4	413
LPB	15	11,621,710	5	KHẢ QUAN	25,937	5.1	1.1	174
SHB	11.2	15,287,650	5	KHẢ QUAN	34,349	4.2	0.8	171
BSR	17	8,001,640	5	KHẢ QUAN	52,708	8.1	1.4	136

TPB	24.5	5,460,730	5	KHẢ QUAN	38,753	6.2	1.2	134
VIC	59.2	1,793,240	5	KHẢ QUAN	225,785	204.2	2.0	106
MWG	45.9	1,932,865	5	KHẢ QUAN	67,169	13.1	2.9	89
VIB	23.35	3,240,495	5	KHẢ QUAN	49,214	5.8	1.5	76
FPT	84	864,390	5	KHẢ QUAN	92,150	17.4	4.4	73
DBC	17.1	4,065,975	5	KHẢ QUAN	4,138	12.1	0.9	70
VRE	30.3	1,908,240	5	KHẢ QUAN	68,851	33.3	2.1	58
KSB	25.2	2,054,785	5	KHẢ QUAN	1,923	14.7	1.0	52
FRT	73	545,435	5	KHẢ QUAN	8,648	13.7	4.5	40
HDG	33.8	1,008,250	5	KHẢ QUAN	8,268	5.8	1.6	34
VGC	39.4	843,595	5	KHẢ QUAN	17,665	10.1	2.3	33
SZC	32	989,705	5	KHẢ QUAN	3,200	20.6	2.1	32
HBC	10.2	2,857,625	5	KHẢ QUAN	2,796	28.6	0.7	29
DGW	43.6	602,345	5	KHẢ QUAN	7,110	8.2	3.2	26
PAN	17.15	1,497,870	5	KHẢ QUAN	3,583	8.8	0.8	26
GAS	108.6	227,560	5	KHẢ QUAN	207,089	15.5	3.7	25
TCH	7.57	3,061,460	5	KHẢ QUAN	5,058	26.0	0.6	23
BVH	51	425,415	5	KHẢ QUAN	37,858	21.6	1.7	22
HUT	16	1,284,245	5	KHẢ QUAN	5,578	15.7	1.4	21
SCR	6.2	3,013,820	5	KHẢ QUAN	2,453	17.0	0.5	19
HPG	21.5	24,184,440	4	KHẢ QUAN	125,018	8.1	1.3	520
STB	26.65	13,949,810	4	KHẢ QUAN	50,241	12.1	1.4	372
VND	16.3	20,459,784	4	KHẢ QUAN	19,850	8.9	1.4	333
SSI	20.95	13,842,705	4	KHẢ QUAN	31,197	14.4	1.4	290
HAG	9.61	15,425,505	4	KHẢ QUAN	8,912	8.5	1.9	148
SHS	9.7	14,519,380	4	KHẢ QUAN	7,888	10.6	0.8	141
DIG	16.15	8,251,815	4	KHẢ QUAN	9,849	9.6	1.3	133
VCB	93	1,217,030	4	KHẢ QUAN	440,124	16.7	3.4	113
HCM	24.3	4,459,850	4	KHẢ QUAN	11,110	13.0	1.4	108
DXG	14.1	6,994,020	4	KHẢ QUAN	8,601	55.3	0.9	99
PVD	20.9	4,700,050	4	KHẢ QUAN	11,618	#N/A N/A	0.8	98
DGC	59	1,577,340	4	KHẢ QUAN	22,407	4.2	2.1	93
BID	44.55	1,848,735	4	KHẢ QUAN	225,357	13.9	2.3	82
HAH	37	1,329,720	4	KHẢ QUAN	2,603	3.4	1.2	49
ASM	9.78	3,117,620	4	KHẢ QUAN	3,291	4.6	0.6	30
VPI	53.2	523,420	4	KHẢ QUAN	12,874	25.6	3.7	28
VPG	13.95	1,592,100	4	KHẢ QUAN	1,119	4.6	0.7	22
TNG	15.7	1,184,190	4	KHẢ QUAN	1,650	5.4	1.1	19
HDC	31.2	559,165	3	TRUNG TÍNH	14,373	3.5	1.5	51
GEX	14.7	14,035,840	3	TRUNG TÍNH	12,517	25.1	1.0	206
HSG	14.95	12,265,980	3	TRUNG TÍNH	8,941	34.1	0.8	183
MBB	19.7	7,795,555	3	TRUNG TÍNH	89,320	5.1	1.2	154
NKG	15.75	9,373,610	3	TRUNG TÍNH	4,147	#N/A N/A	0.7	148
IDC	40.3	2,310,655	3	TRUNG TÍNH	13,299	6.6	2.6	93
VHM	53.3	1,457,030	3	TRUNG TÍNH	232,088	7.4	1.7	78
VIX	8	9,565,655	3	TRUNG TÍNH	4,657	10.9	0.6	77
HHV	13.35	4,853,490	3	TRUNG TÍNH	4,109	13.0	0.5	65
PC1	25.9	2,137,425	3	TRUNG TÍNH	7,004	17.2	1.4	55

DCM	27.15	1,870,760	3	TRUNG TÍNH	14,373	3.5	1.5	51
GVR	16.85	2,046,560	3	TRUNG TÍNH	67,400	15.9	1.3	34
FCN	11.7	2,907,310	3	TRUNG TÍNH	1,842	143.6	0.7	34
HDB	17.7	1,727,860	3	TRUNG TÍNH	44,520	5.9	1.3	31
GEG	16.3	1,774,420	3	TRUNG TÍNH	5,248	14.0	1.4	29
CTF	32.4	851,245	3	TRUNG TÍNH	2,463	21.7	2.9	28
SAB	193.1	132,100	3	TRUNG TÍNH	123,831	22.9	5.1	26
IJC	14.4	1,752,735	3	TRUNG TÍNH	3,126	6.4	0.8	25
NVL	13.95	14,584,070	2	TRUNG TÍNH	27,204	9.5	0.7	203
VCI	29.55	5,067,740	2	TRUNG TÍNH	12,869	14.7	2.0	150
VNM	80	1,462,270	2	TRUNG TÍNH	167,196	21.2	5.4	117
TCB	29.05	3,651,140	2	TRUNG TÍNH	102,176	4.8	0.9	106
CTG	30.35	3,406,190	2	TRUNG TÍNH	145,855	9.4	1.4	103
POW	12.2	7,842,085	2	TRUNG TÍNH	28,571	24.5	1.0	96
IDI	13.2	4,774,195	2	TRUNG TÍNH	3,005	5.5	0.9	63
CII	14.8	3,116,035	2	TRUNG TÍNH	3,733	10.1	0.7	46
HPX	5.04	8,612,485	2	TRUNG TÍNH	1,533	11.1	0.4	43
KDH	27.65	1,430,605	2	TRUNG TÍNH	19,820	19.2	1.7	40
ANV	31.1	1,131,005	2	TRUNG TÍNH	3,954	5.9	1.4	35
MBS	15	2,066,015	2	TRUNG TÍNH	5,880	8.7	1.4	31
SBT	14.4	2,043,635	2	TRUNG TÍNH	9,694	11.9	1.1	29
VHC	69.6	407,935	2	TRUNG TÍNH	12,763	5.7	1.7	28
PVC	15.2	1,836,875	2	TRUNG TÍNH	760	271.7	1.1	28
FTS	21.05	1,211,325	2	TRUNG TÍNH	4,106	12.6	1.2	25
BCG	7.45	3,017,465	2	TRUNG TÍNH	3,974	9.8	0.6	22
TCM	54.9	404,675	2	TRUNG TÍNH	4,499	21.7	2.4	22
DPG	35.35	623,975	2	TRUNG TÍNH	2,227	5.7	1.4	22
DRH	6.21	3,279,290	2	TRUNG TÍNH	768	52.0	0.5	20
PDR	13.7	8,977,210	0	TRUNG TÍNH	9,202	7.9	1.1	123
EIB	26.95	3,096,010	0	TRUNG TÍNH	33,133	11.2	1.6	83
DPM	42.3	1,450,035	0	TRUNG TÍNH	16,553	2.7	1.3	61
KDC	62.5	962,960	0	TRUNG TÍNH	16,077	32.8	2.4	60
PVT	21	2,423,725	0	TRUNG TÍNH	6,797	8.3	1.2	51
NLG	28.5	1,055,855	0	TRUNG TÍNH	10,946	22.4	1.2	30
HVN	14.25	1,974,270	0	TRUNG TÍNH	31,555	#N/A N/A	#N/A N/A	28
L14	55.2	493,985	0	TRUNG TÍNH	1,703	89.7	4.2	27
REE	72.5	370,530	-2	TRUNG TÍNH	25,767	9.3	1.7	27

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật**Kinh tế Mỹ dự kiến tăng trưởng chậm hơn trong quý IV/2022**

Kinh tế Mỹ được dự báo tăng trưởng với tốc độ chậm hơn trong những tháng cuối cùng của năm 2022 do những lo ngại về suy thoái ngày càng trở nên rõ rệt.

Trong năm 2022, hoạt động của nền kinh tế lớn nhất thế giới đã phần nào giảm nhiệt sau khi Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) tiến hành 7 lần nâng lãi suất chuẩn với hy vọng làm hạ nhiệt sức mua đang nóng và kiềm chế chi phí khi lạm phát gia tăng.

Động thái của Fed đã khiến lĩnh vực bất động sản sụt giảm, kéo theo sự suy giảm trong hoạt động sản xuất và doanh số bán lẻ.

Giữa bối cảnh đó, nền kinh tế lớn nhất thế giới được cho là sẽ tăng trưởng 2,6% trong giai đoạn từ tháng 10 đến tháng 12/2022, thấp hơn mức 3,2% được ghi nhận trong quý trước đó. Đây sẽ là quý tăng trưởng thứ hai liên tiếp của kinh tế Mỹ sau hai quý ghi nhận tăng trưởng âm.

Nguồn: vietnambiz.vn

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp 2023 - 2024: Khối lượng đáo hạn lớn

Theo số liệu từ Hiệp hội Thị trường trái phiếu Việt Nam (VBMA), áp lực đáo hạn trái phiếu doanh nghiệp trong năm hai năm tới vẫn còn lớn với 650.319 tỷ đồng trái phiếu đáo hạn. Trong đó có 289.819 tỷ đồng trái phiếu đáo hạn vào năm 2023 và 360.500 tỷ đồng đáo hạn vào năm 2024.

Trong năm 2022, giá trị phát hành trái phiếu ra công chúng là 10.599 tỷ đồng, giảm 65% so với năm trước. Giá trị phát hành trái phiếu riêng lẻ xấp xỉ 244.565 tỷ đồng, giảm 66% so với năm 2021. Như vậy, tổng giá trị trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong năm qua đạt 258.575 tỷ đồng.

VBMA cho biết, quy mô thị trường Trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam xấp xỉ 14,81% GDP, còn khá khiêm tốn so với các nước trong khu vực như Malaysia (54,3% GDP), Singapore (34,3% GDP), Thái Lan (25,5% GDP). Dư nợ trái phiếu doanh nghiệp chiếm 12% tổng dư nợ của cả nền kinh tế, tăng khoảng 11,3% so với thời điểm cuối năm 2021.

Trong quý IV/2022, các doanh nghiệp đã mua lại trước hạn lượng trái phiếu trị giá 70.501 tỷ đồng, tính chung cả năm 2022, con số này ở mức 210.830 tỷ đồng, tăng 46% so với năm 2021.

Nguồn: Vietnambiz.vn

Sếp PYN Elite Fund: Định giá thị trường đang rất hấp dẫn, VN-Index có thể cán mốc 1.450 điểm trong năm 2023

Trong bức thư gửi nhà đầu tư mới đây, ông Petri Deryng, nhà sáng lập và quản lý PYN Elite Fund kỳ vọng thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ hồi phục mạnh và sang giai đoạn Uptrend trong 3 năm tới. Một số yếu tố thúc đẩy đến từ tăng trưởng thu nhập các công ty niêm yết và động thái điều chỉnh lãi suất tại Việt Nam. Đồng thời, các biện pháp kỷ luật chấn chỉnh thị trường giúp định giá về mức hợp lý hơn. Thị trường hiện vẫn đang giao dịch dưới mức trung bình lịch sử với P/E từ 10 đến 11 lần.

Thêm vào đó, ông Petri Deryng cho biết các biện pháp kỷ luật trên thị trường tài chính đã được áp dụng đặc biệt xoay quanh vấn đề trái phiếu doanh nghiệp. Thị trường trái phiếu đã đối mặt với rất nhiều khó khăn trong tháng 11/2022, thời điểm này hoàn toàn không có người mua và lợi suất trái phiếu tạm thời tăng lên 28%. Kể từ đó đến nay, lợi suất trung bình đã giảm về mức 13-14%. Nhà quản lý Pyn Elite Fund quan điểm tích cực rằng những vấn đề liên quan TPDN sẽ được bình thường hoá dù còn nhiều rủi ro vẫn có khả năng xảy ra.

Về động thái nâng lãi suất của FED, tốc độ tăng chóng mặt đã khiến đồng USD lên giá quá cao so với các đồng tiền châu Á. "Còn quá sớm để kỳ vọng FED giảm lãi suất trong năm 2023 khi đồng USD đã được định giá quá cao thời điểm cuối năm 2022. Tuy nhiên, sẽ không còn đợt tăng lãi suất mạnh tay, đồng USD sẽ sớm hạ nhiệt", ông Petri Deryng nhấn mạnh.

Năm 2023, ông Petri Deryng cùng đội ngũ của mình kỳ vọng nền kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng ở mức hợp lý (+5,5%), bất chấp xuất khẩu cả năm có thể giảm 5%. Các khoản đầu tư công của Việt Nam sẽ thúc đẩy nhu cầu trong nước và nhu cầu của người tiêu dùng tư

nhân cũng sẽ tăng lên theo từng năm. Nhà quản lý PYN Elite Fund kỳ vọng VN-Index sẽ chạm mốc 1.450 điểm vào cuối năm 2023.

Nguồn: cafef.vn

Viglacera: Lợi nhuận quý IV/2022 giảm 50%, vẫn về đích kế hoạch năm

Theo BCTC hợp nhất quý IV/2022 của Tổng Công ty Viglacera (Mã: VGC), doanh thu thuần đạt 3.281 tỷ đồng giảm 11% so với cùng kỳ. Giá vốn bán hàng giảm 8% còn 2.567 tỷ đồng. Biên lãi gộp giảm từ 24% cùng kỳ xuống 22% quý này.

Trong kỳ, doanh thu từ hoạt động tài chính giảm 85% xuống 24 tỷ đồng do hụt thu hoạt động tài chính khác nhưng không được thuyết minh. Các chi phí như tài chính, bán hàng đều tăng nhẹ so với quý IV/2021. Song, chi phí quản lý doanh nghiệp được tiết giảm còn 185 tỷ đồng, giảm 35%.

Kết quả, lợi nhuận sau thuế của công ty đạt 222 tỷ đồng, giảm 50% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ khoảng 180 tỷ đồng, giảm 56% so với quý IV/2021.

Lũy kế cả năm 2022, Viglacera ghi nhận 14.594 tỷ đồng doanh thu thuần tăng 30%, lợi nhuận sau thuế là 1.931 tỷ đồng tăng 51% so với năm trước. EPS cả năm đạt 3.894 đồng.

Nguồn: vietnambiz.vn

Nhiệt điện Phả Lại vượt 45% kế hoạch lợi nhuận 2022

Báo cáo tài chính quý IV/2022 của CTCP Nhiệt điện Phả Lại (Mã: PPC) cho thấy doanh thu thuần đạt 1.576 tỷ đồng, gấp 3 lần cùng kỳ năm trước nhờ sản lượng điện tăng 142% lên 829 triệu kWh, đồng thời giá bán điện bình quân cũng cao hơn quý IV/2021.

Trong kỳ, giá vốn hàng bán ghi nhận 1.493 tỷ đồng, chiếm 95% doanh thu thuần nên lợi nhuận gộp còn 82 tỷ đồng, cùng kỳ lỗ gộp 143 tỷ đồng. Trừ đi các chi phí khác, PPC lãi sau thuế 69 tỷ đồng, cùng kỳ lỗ 7 tỷ và là quý có kết quả thấp nhất trong năm.

Lũy kế năm 2022, doanh thu thuần của PPC đạt 5.115 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 403 tỷ, lần lượt tăng 32% và tăng 128% so với năm 2021. Với kết quả này, PPC đã thực hiện được 94% kế hoạch doanh thu và vượt 45% mục tiêu lợi nhuận năm 2022.

Nguồn: vietnambiz.vn

Hạ tầng Giao thông Đèo Cả (HHV) không về đích lợi nhuận năm 2022

CTCP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả (Mã: HHV) vừa có BCTC quý IV/2022 với doanh thu thuần đạt 616 tỷ đồng tăng 2 tỷ đồng so với cùng kỳ. Biên lãi gộp tương đương quý IV/2021 là 42%.

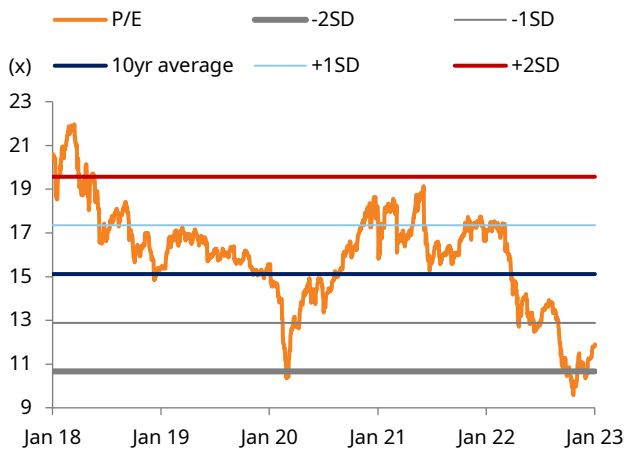
Trong kỳ, doanh thu hoạt động tài chính lao dốc, từ 4,9 tỷ đồng xuống 551 triệu đồng do lãi tiền gửi, tiền cho vay sụt giảm. Chi phí lãi vay tăng 18% so với quý IV/2021, khoảng 167 tỷ đồng. Lãi từ công ty liên doanh, liên kết tăng mạnh, từ 740 triệu đồng lên gần 7 tỷ đồng. Kết quả, lợi nhuận sau thuế quý IV/2022 của HHV đạt 75 tỷ đồng, giảm 3% so với cùng kỳ.

Lũy kế cả năm 2022, công ty ghi nhận 2.095 tỷ đồng doanh thu tăng 13%, lợi nhuận sau thuế khoảng 315 tỷ đồng tăng 8% so với năm 2021. Như vậy, HHV mới hoàn thành 83% mục tiêu doanh thu, 80% kế hoạch lợi nhuận.

Trong cơ cấu doanh thu, doanh thu từ các trạm thu phí BOT chiếm 71% với 1.491 tỷ đồng, tăng 18% so với năm 2021. Hoạt động xây lắp mang về 530 tỷ đồng (chiếm 25%) giảm 4% so với năm trước. Còn lại là doanh thu hoạt động tu bảo dưỡng hầm đường, cung cấp dịch vụ trung chuyển.

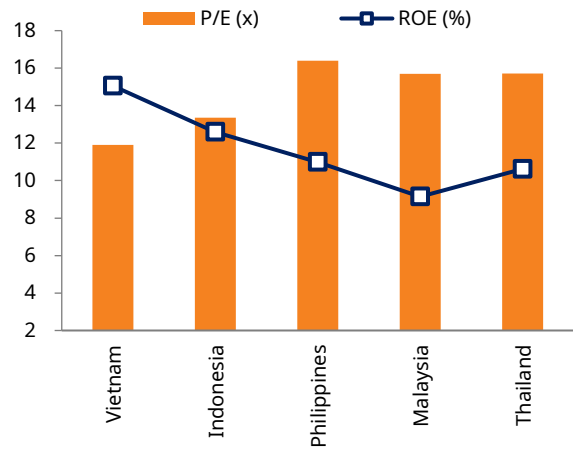
Nguồn: vietnambiz.vn

Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index



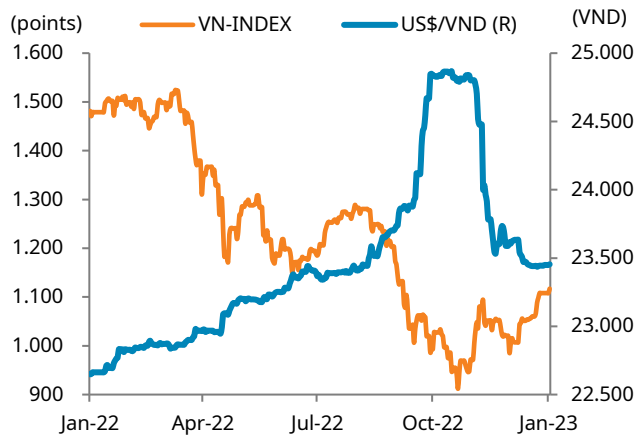
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường



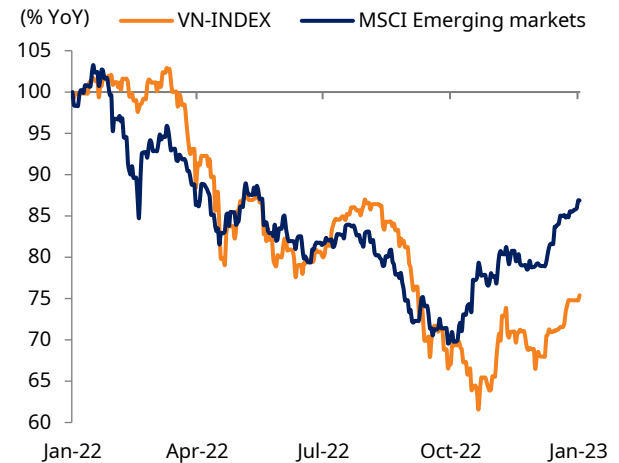
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND



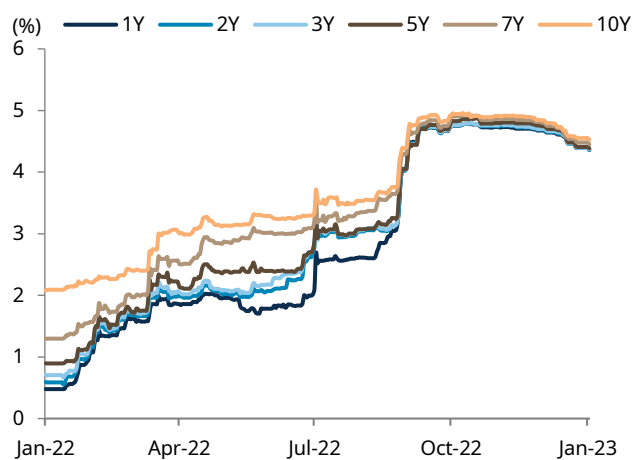
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets



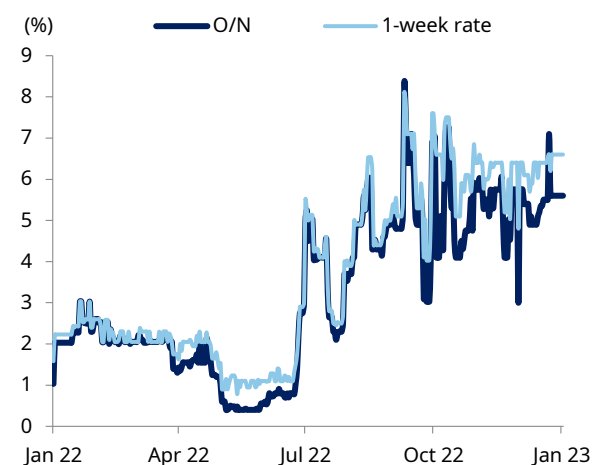
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	FY22	FY23	FY22	FY23	FY22	FY23	FY22	FY23
VN-Index	VN-Index	1,117.10	4,422,323		0.8	5.4	9.2	-23.8	10.5	10.7	1.6	1.6	11.3	8.9	15.4	16.9
VN30 Index	VN30	1,130.65	3,171,668		0.8	5.7	9.8	-24.3	8.6	9.1	1.6	1.4	9.6	7.0	18.6	17.1
Asia Commercial Bank	ACB VN	26,350	88,995	30.0	1.3	9.1	19.2	-5.6	7.8	6.3	1.6	1.2	45.9	3.0	26.4	22.2
BIDV	BID VN	44,550	225,357	17.2	-3.0	6.6	11.4	-6.4	22.3	11.0	2.3	1.8	81.1	28.8	18.1	18.8
Bao Viet Holdings	BVH VN	51,000	37,858	27.0	2.2	4.3	9.7	-5.2	18.2	19.3	1.6	1.7	-12.3	17.7	7.8	9.0
VietinBank	CTG VN	30,350	145,855	28.0	-2.4	4.3	14.1	-17.8	9.3	7.1	1.4	1.2	21.8	20.2	16.5	17.9
FPT Corp	FPT VN	84,000	92,150	49.0	0.1	5.0	9.8	17.3	21.2	14.8	4.7	3.6	22.0	28.5	24.8	28.2
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	108,200	207,089	3.0	3.5	3.5	4.9	-3.2	23.3	14.5	3.8	3.2	75.8	-2.5	25.3	22.1
Vietnam Rubber Group	GVR VN	16,850	67,400	0.5	3.4	15.8	18.2	-45.1	13.3	15.5	1.2	#N/A	-5.4	10.6	8.1	8.6
HDBank	HDB VN	17,700	44,520	18.0	1.1	6.3	8.3	-28.2	6.6	5.1	1.4	1.0	32.7	7.5	23.2	20.9
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	21,500	125,018	22.6	1.7	7.8	17.8	-33.7	3.3	11.3	1.2	1.2	-70.4	16.5	10.6	12.0
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	27,650	19,820	37.8	0.2	5.5	4.9	-39.3	16.3	14.5	1.8	1.5	-12.2	32.9	9.4	11.4
MBBank	MBB VN	19,700	89,320	23.2	0.5	7.9	14.2	-28.4	6.1	4.5	1.3	0.9	41.9	10.7	25.2	22.8
Masan Group Corp	MSN VN	103,700	147,640	30.6	1.7	9.2	13.2	-12.4	15.4	29.5	4.0	3.7	-55.9	31.7	10.1	13.3
Mobile World Investment Corp	MWG VN	45,900	67,169	49.0	0.7	9.2	4.8	-30.2	12.4	12.3	3.0	2.3	-10.0	19.9	20.1	19.9
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	13,950	27,204	5.9	-0.7	-2.4	-3.1	-82.3	7.7	3.2	0.8	0.3	68.6	41.9	10.8	13.1
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	13,700	9,202	3.7	-3.2	-2.1	8.7	-78.7	5.1	#N/A	1.3	#N/A	-38.6	N/A	15.1	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	38,100	48,410	17.9	0.3	2.8	24.5	-33.2	17.7	16.5	1.6	1.9	-61.0	232.2	5.9	10.9
Vietnam International Commercial JSC	VIB VN	23,350	49,214	20.5	2.0	5.9	22.9	-32.6	6.3	5.4	1.6	1.2	31.8	9.7	29.4	25.0
PetroVietnam Power Corp	POW VN	12,200	28,571	5.5	0.0	3.0	14.6	-25.6	14.1	13.2	0.9	0.9	-17.1	46.7	5.5	6.9
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	193,100	123,831	62.6	4.0	3.9	12.6	29.8	30.3	21.3	5.0	4.5	48.8	10.9	23.5	22.8
SSI Securities Corp	SSI VN	20,950	31,197	42.2	-1.2	9.1	15.1	-48.6	7.3	17.8	1.3	#N/A	-44.6	-12.8	#N/A	8.1
Sacombank	STB VN	26,650	50,241	27.6	-0.6	5.3	18.4	-24.7	13.8	#N/A	1.2	1.1	#N/A	N/A	13.5	16.6
Techcombank	TCB VN	29,050	102,176	22.5	-0.2	4.5	10.5	-44.0	5.0	4.4	1.0	0.8	16.9	8.8	20.7	18.0
Tien Phong Bank	TPB VN	24,500	38,753	29.9	2.1	9.4	16.4	-39.1	6.5	6.4	1.3	1.0	22.4	-3.1	21.5	18.3
Vietcombank	VCB VN	93,000	440,124	23.6	0.0	8.4	17.6	2.2	19.1	14.4	3.5	2.7	34.1	15.1	20.6	18.7
Vinhomes JSC	VHM VN	53,300	232,088	24.4	2.1	2.5	12.2	-34.2	5.3	6.4	1.7	1.3	-22.3	18.3	22.3	21.4
Vingroup JSC	VIC VN	59,200	225,785	12.8	3.1	7.6	10.9	-38.7	#N/A N/A	37.2	2.0	2.1	387.7	-19.2	7.0	5.3
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	116,200	62,935	17.1	1.5	7.9	7.6	-4.0	787.8	25.8	3.5	#N/A	694.2	307.2	3.5	13.0
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	80,000	167,196	56.0	-1.6	-0.7	4.4	-3.7	16.8	17.2	4.8	4.8	-10.0	14.4	26.5	29.6
VPBank	VPB VN	19,700	132,250	17.6	1.0	1.5	10.1	-16.6	10.1	8.0	1.5	1.1	56.0	-10.3	20.1	16.1
Vincom Retail JSC	VRE VN	30,300	68,851	32.5	2.2	5.9	17.4	-11.4	45.5	19.9	2.0	2.0	90.2	38.7	7.8	10.6

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thận trọng và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.